

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
BỘ TRƯỞNG
Số: 202-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 6 năm 1992

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Về việc tiếp tục làm thí điểm chuyển một số doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Thực hiện Nghị quyết của Quốc Hội khoá VIII, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ kết luận của Thường trực Hội Đồng Bộ Trưởng tại phiên họp ngày 9 tháng 5 năm 1992;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.-Tiếp tục làm thí điểm việc chuyển một số doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần (sau đây gọi tóm tắt là cổ phần hoá). Mỗi bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chọn 1-2 doanh nghiệp Nhà nước làm thí điểm cổ phần hoá. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định một số doanh nghiệp để chỉ đạo điểm rút kinh nghiệm.

Điều 2.-Các doanh nghiệp Nhà nước được chọn làm thí điểm cổ phần hoá phải có những điều kiện sau đây:

- Có quy mô vừa;
- Đang kinh doanh có lãi hoặc trước mắt tuy gặp khó khăn nhưng có triển vọng sẽ hoạt động tốt;
- Không thuộc diện những doanh nghiệp cần thiết phải giữ 100% vốn đầu tư của nhà nước.

Điều 3.- Việc làm thí điểm cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước được tiến hành theo 3 loại:

1. Bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên chức trong doanh nghiệp.
2. Bán cổ phần cho các tổ chức kinh tế và xã hội trong nước.
3. Bán cổ phần cho các cá nhân trong nước.

Điều 4.- Các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội có đủ tư cách pháp nhân và công dân Việt nam từ 18 tuổi trở lên đều được quyền mua cổ phần ở các doanh nghiệp bán cổ phần cho các tổ chức và cá nhân trong nước.

Điều 5.- Nguyên tắc xác định giá trị của doanh nghiệp:

Giá trị của doanh nghiệp ở thời điểm đưa ra cổ phần hoá là giá trị thực của doanh nghiệp mà người bán (Nhà nước) và người mua cổ phần có thể chấp nhận được.

Việc xác định giá trị của doanh nghiệp phải căn cứ vào hai yếu tố sau đây:

- a) Số liệu kiểm kê ngày 1 tháng 1 năm 1990, văn bản giao vốn có tính các hệ số điều chỉnh tăng, giảm theo thời giá do Bộ tài chính hướng dẫn.
- b) Các yếu tố thị trường khác như đất đai và vị trí địa lý kinh tế của doanh nghiệp, khả năng sinh lợi trong những năm sắp tới của ngành kinh doanh trên thị trường trong nước và quốc tế, uy tín, hiệu quả kinh tế thực tế hiện nay của doanh nghiệp v.v...

Giá trị của doanh nghiệp phải do một Hội đồng định giá xem xét và một Hội đồng thẩm định có thẩm quyền thông qua. Thành phần hội đồng định giá bao gồm những chuyên gia kinh tế-tài chính do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cử ra và những chuyên gia tư vấn am hiểu về nghề kinh doanh của doanh nghiệp do cơ quan chủ quản doanh nghiệp và cơ quan tài chính cùng cấp mời.

Hội đồng thẩm định cấp Bộ hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm đại diện của Bộ Tài chính làm Chủ tịch và đại diện của Ủy ban vật giá Nhà nước, Tổng cục thống kê, Ngân hàng nhà nước Việt nam, Ủy ban khoa học Nhà nước.

Điều 6.- Quyền sở hữu và mọi quyền lợi hợp pháp của tổ chức và cá nhân mua cổ phiếu ở các doanh nghiệp cổ phần hoá được Nhà nước bảo vệ theo luật pháp hiện hành.

Điều 7.- Cán bộ công nhân viên chức trong các doanh nghiệp cổ phần hoá được hưởng chính sách ưu đãi trong việc mua cổ phiếu trả chậm với thời gian trả không quá 12 tháng. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể chính sách ưu đãi về việc mua cổ phiếu trả chậm đối với cán bộ công nhân viên chức trong các doanh nghiệp cổ phần hoá.

Điều 8.- Cổ phiếu có thể được bán bởi các doanh nghiệp được cổ phần hoá hoặc được bán thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại và các công ty tài chính.

Điều 9.- Doanh nghiệp Nhà nước sau khi chuyển thành công ty cổ phần sẽ hoạt động theo Luật công ty đã được Quốc Hội thông qua ngày 20 tháng 12 năm 1990 và Nghị định số 222-HĐBT ngày 23 tháng 7 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 10.- Giao cho Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì tổ chức triển khai làm thí điểm cổ phần hoá theo đề án ban hành kèm theo quyết định này.

Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Bộ Lao động- Thương binh và xã hội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính trong quá trình làm thí điểm cổ phần hoá.

Điều 11.- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng uỷ quyền cho Bộ trưởng bộ Tài chính thực hiện các nhiệm vụ:

1. Thống nhất phát hành cổ phiếu.
2. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan để hướng dẫn cụ thể quy trình, nội dung và phương pháp làm thí điểm cổ phần hoá.
3. Xem xét và phê chuẩn đề án làm thí điểm cổ phần hoá của các doanh nghiệp do các bộ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đăng ký.
4. Quyết định danh sách các doanh nghiệp Nhà nước làm thí điểm cổ phần hoá ngoài các doanh nghiệp được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chọn để chỉ đạo điểm.
5. Theo dõi, giám sát, xử lý các vấn đề liên quan trong quá trình làm thí điểm thuộc phạm vi, chức năng, quyền hạn của mình.
6. Phối hợp với viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc làm thí điểm cổ phần hoá trong cả nước và tổng hợp báo cáo Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 12.- Các bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc làm thí điểm cổ phần hoá ở các doanh nghiệp Nhà nước thuộc phạm vi mình quản lý, cụ thể là:

- Đăng ký với Bộ trưởng Bộ tài chính danh sách các doanh nghiệp dự định làm thí điểm cổ phần hoá.
- Ra quyết định cho các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của mình làm thí điểm cổ phần hoá sau khi đã được Bộ trưởng bộ Tài chính phê chuẩn danh sách và đề án làm thí điểm.

- Chỉ đạo việc xây dựng nội dung, kế hoạch cụ thể về làm thí điểm cổ phần hoá trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và các thông tư hướng dẫn của các bộ có liên quan.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo triển khai cụ thể việc cổ phần hoá. Theo dõi, giám sát và xử lý những vấn đề vướng mắc trong quá trình triển khai. Nếu có vấn đề gì vượt ra ngoài thẩm quyền xử lý của mình thì phải báo cáo ngay cho Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Sơ kết, tổng kết việc làm thí điểm và gửi báo cáo tổng kết cho Bộ Tài chính và Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.

Điều 13.- Việc làm thí điểm cổ phần hoá cần tiến hành khẩn trương, có chỉ đạo kịp thời và cụ thể ngay từ khi bắt đầu vào tháng 6 năm 1992 cho đến khi kết thúc. Đến cuối tháng 12 năm 1992 Bộ Tài chính cùng với Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương sơ kết tình hình và kết quả làm thí điểm và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 14.- Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ Trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**ĐỀ ÁN CHUYỂN MỘT SỐ DOANH NGHIỆP
NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN ÁP
DỤNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CHỌN LÀM THÍ ĐIỂM.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 202-CT ngày 8 tháng 6 năm 1992

của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng)

I- MỤC TIÊU CỦA VIỆC LÀM THÍ ĐIỂM

Cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước phải nhằm đạt được 3 mục tiêu chính sau đây:

- Một là, chuyển một phần sở hữu Nhà nước thành sở hữu của các cổ đông nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Hai là, phải huy động được một khối lượng vốn nhất định ở trong và ngoài nước để đầu tư cho sản xuất kinh doanh.

- Ba là, tạo điều kiện để người lao động thực sự làm chủ doanh nghiệp.

II. NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA VIỆC CHUYỂN MỘT SỐ

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Đối tượng làm thí điểm: các doanh nghiệp Nhà nước được chọn làm thí điểm cổ phần hoá phải có đủ 3 điều kiện sau đây:

- Có quy mô vừa.
- Không thuộc diện Nhà nước cần đầu tư 100% vốn.
- Đang làm ăn có lãi hoặc tuy trước mắt có gặp khó khăn nhưng triển vọng hoạt động tốt.

Các doanh nghiệp làm thí điểm được chọn trong cả 3 lĩnh vực: sản xuất, lưu thông, dịch vụ ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam cả quốc doanh trung ương và quốc doanh địa phương.

Tỷ lệ cổ phiếu bán ra (ngoài phần giữ lại cho các cổ đông là nhà nước) tùy thuộc vào tính chất và điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp.

2. Phân tích, đánh giá thực trạng và triển vọng của doanh nghiệp:

Nội dung phân tích cần tập trung vào 3 vấn đề lớn:

a) Thực trạng về tài chính của doanh nghiệp:

- Thực trạng về vốn và tài sản của doanh nghiệp: về tài sản cố định cần nói rõ hiện trạng, chủng loại, cơ cấu và năng lực, về tài sản lưu động cần nói rõ về dự trữ và thanh toán...
- Thực trạng lãi, lỗ.
- Thực trạng về liên doanh, liên kết, nợ nần (tạm thời).
- Thực trạng về thu nhập và phân phối thu nhập của doanh nghiệp, công nhân viên.

b) Thực trạng và triển vọng về thị trường của doanh nghiệp (thị trường mua nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ sản phẩm, môi trường liên doanh, liên kết...).

c) Thực trạng về công nghệ của doanh nghiệp và những ưu thế về cạnh tranh của doanh nghiệp và các khả năng khắc phục nhược điểm (sản phẩm mới, giá hạ, tổ chức đời sống tốt...).

Tình hình và các số liệu phân tích phải bảo đảm trung thực, chính xác và được công bố công khai.

3. Xác định giá trị của doanh nghiệp và giá cổ phiếu:

a) Giá trị của doanh nghiệp bao gồm giá trị tài sản của doanh nghiệp (vốn cố định, vốn lưu động và đất đai) và các yếu tố tạo ra hiệu quả, triển vọng về sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (như uy tín, đội ngũ kỹ sư và công nhân năng động và có tay nghề cao, khả năng sinh lợi cao. . .) . Các khoản thuộc phạm vi thua lỗ, nợ nần, hàng tồn kho do kém phẩm chất...